

**BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN - BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2024**

(Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC
ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc Ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-THPTCVA ngày 28/02/2025 của Trường THPT Chu Văn An về việc thành lập tổ tự kiểm tra Báo cáo Quyết toán, Báo cáo Tài chính năm 2024.

Tổ tự kiểm tra của nhà trường tự rà soát, tự kiểm tra Báo cáo Quyết toán, Báo cáo tài chính; tình hình tài chính, tài sản, các chế độ chính sách của Giáo viên và học sinh năm 2024 như sau:

- Chứng từ: Từ ngày 01/01/2024 đến 31/01/2024
- Ngày kiểm tra: 7h00, ngày 01/03/2025 đến khi hoàn thành nhiệm vụ.
- Địa điểm: Tại phòng kế toán của trường
- Thành phần: Theo Quyết định

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Nội dung.

Kiểm tra hoạt động tài chính, quản lý tài sản của đơn vị trong năm tài chính 2024

1.1. Dự toán ngân sách giao:

Mã ngành, mã nguồn KP	Số dư năm 2023 chuyển sang	Dự toán được giao năm 2024	Dự toán được sử dụng trong năm 2024	Dự toán đã sử dụng đề nghị quyết toán năm 2024	Dự toán còn lại năm 2024
12	140.800.000	2.340.848.428	2.481.648.428	2.354.648.500	126.999.928
13	469.482.028	13.148.917.018	13.618.399.046	13.199.165.138	419.233.908
14	119.177.018	(119.177.018)			
15		261.877.000	261.877.000	260.551.000	1.326.000
18		390.570.000	390.570.000	390.570.000	
Cộng	729.459.046	16.023.035.428	16.752.494.474	16.204.934.638	547.559.836

1.2. Dự toán giao thu học phí:

TT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Số dư năm trước 2023 chuyển sang	0	
2	Dự toán thu giao trong năm 2024	226.600.000	

3	Số thực thu trong năm 2024	225.028.000	
4	Số KP cấp bù miễn giảm 2024	2.476.000	
5	Số được sử dụng trong năm 2024 (1+3+4)	227.504.000	
6	Số quyết toán trong năm 2024	227.504.000	
7	Số dư chuyển sang năm sau (5-6)	0	

2/ Kết quả thực hiện kiểm tra như sau:

2.1. Kiểm tra các khoản thu - chi ngân sách:

I.	<u>Thực hiện dự toán ngân sách phân bổ :</u>	Đồng	
1.	Tổng kinh phí ngân sách cấp trong năm		16.752.494.474
a.	Kinh phí hoạt động tự chủ	Đồng	13.618.399.046
b.	Kinh phí hoạt động không tự chủ	Đồng	3.134.095.428
2.	Tổng kinh phí quyết toán trong năm :	Đồng	16.064.134.638
a.	Kinh phí hoạt động tự chủ	Đồng	13.199.165.138
	Chi thanh toán tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	Đồng	11.955.752.965
	Chi mua vật tư, công cụ và dịch đã sử dụng	Đồng	414.546.823
	Chi phí hao mòn TSCĐ	Đồng	
	Chi mua sắm TSCĐ	Đồng	128.638.600
	Chi phí hoạt động khác	Đồng	700.226.750
b.	Kinh phí hoạt động không tự chủ	Đồng	2.864.969.500
	Chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo (theo Nghị định số 77/2011/NĐ-CP)	Đồng	1.230.400.000
	Chế độ đối với học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật (theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND)	Đồng	17.700.000
	Hỗ trợ chi phí học tập (theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)	Đồng	12.450.000
	Cấp bù kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm học phí (theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)	Đồng	4.698.000
	Tổ chức ôn tập thi TN cho người DTTS	Đồng	1.620.000
	Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT 2023	Đồng	92.050.500
	Lương HD 111	Đồng	176.829.000
	Chế độ cho GV và HS theo NQ 26	Đồng	174.600.000
	Mua sắm phần mềm thiết bị	Đồng	12.000.000
	Mua bàn ghế học sinh	Đồng	17.880.000
	Sửa chữa, thay mái tôn	Đồng	454.373.000
	Lựa chọn SGK 12	Đồng	19.248.000
	Chế độ cho HS theo NĐ 116	Đồng	14.976.000
	Cấp bù học phí Nghị quyết 26	Đồng	210.522.000
	Kinh phí dạy HS khuyết tật	Đồng	35.053.000
	Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73	Đồng	390.570.000
3	Dự toán còn lại năm 2024	Đồng	547.559.836

	Nguồn tự chủ (13)	Đồng	419.233.908
	Mua bàn ghế học sinh	Đồng	126.999.928
	Cấp bù học phí Nghị quyết 26	Đồng	1.326.000
2.2	Nội dung khác :	Đồng	
1.	Tổng kinh phí hoạt động tự chủ tiết kiệm trong năm (Nguồn NS+HP) :		322.800.000
	Trích các loại quỹ	Đồng	150.000.000
	Chi thu nhập tăng thêm	Đồng	172.800.000
2	Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm :	Đồng	
	- Mức thu nhập tăng thêm cao nhất (đồng/người/năm)	Đồng	2.400.000
	- Mức thu nhập tăng thêm thấp nhất (đồng/người/năm)		1.200.000
3	Về mức kinh phí chi trả dạy tăng , dạy thay		
a.	Chi trả theo qui định tại Thông tư số 07	Đồng	
	- Mức cao nhất (đồng/tiết)	Đồng	
	- Mức thấp nhất (đồng/tiết)	Đồng	
b.	Chi trả theo thỏa thuận	Đồng	
	- Mức cao nhất (đồng/tiết)	Đồng	100.000
	- Mức thấp nhất (đồng/tiết)	Đồng	80.000

2.2. Kiểm tra số liệu thu chi học phí:

- Về chứng từ thu phí, lệ phí và các khoản thu khác được giao quản lý, thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật:

Chứng từ thu học phí sử dụng hóa đơn điện tử, thu đúng đối tượng, thu đủ, không thất thoát, các đối tượng miễn giảm có giấy tờ minh chứng, nộp tiền kho bạc đúng thời gian quy định.

Số liệu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số QT 2024	Ghi chú
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	345,212,000	
1	Thu học phí năm 2024	340,514,000	
2	Cấp bù do miễn, giảm học phí	4,698,000	
3	Số dư năm trước chuyển sang		
II	Số thu nộp NSNN	345,212,000	
1	Nộp học phí vào KBNN	345,212,000	
B	Quyết toán chi nguồn học phí năm 2024	345,212,000	
	Trích tạo nguồn CCTL	53,876,000	
1	Chi thanh toán tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		
2	Chi mua vật tư, công cụ và dịch đã sử dụng	95,752,385	
3	Chi phí hao mòn TSCĐ		
4	Chi phí hoạt động khác	195,583,615	
C	Số dư mang sang năm sau	0	

2.3. Kiểm tra số liệu thu chi Dạy thêm học thêm:

Trong năm 2024, Nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm trong trường

2.4. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài sản cố định:

Trong năm 2024 nhà trường đã tiến hành mua sắm, sửa chữa:

- Nguồn kinh phí tự chủ: 170.510.000 đồng
- Nguồn học phí: 55.00.000 đồng
- Nguồn kinh phí không tự chủ: 484.253.000 đồng

Hồ sơ mua sắm và sửa chữa đều làm thủ tục mua sắm đầy đủ, có biên bản giao nhận tài sản, có phản ánh tăng tài sản tại sổ theo dõi tài sản.

Nhìn chung công tác quản lý tài sản trong nhà trường thực hiện tốt, có sổ theo dõi tài sản, việc sử dụng tài sản đúng mục đích theo quy định.

Cuối năm kế toán có trích khấu hao tài sản đầy đủ, kiểm kê tài sản đúng quy định.

2.5. Kiểm tra việc quản lý quỹ tiền lương:

- Số lao động có mặt tại 31/12/2024: 71 người, Trong đó:

- + Ban giám hiệu : 03 người
- + Tổ chuyên môn : 61 người
- + Tổ Văn phòng : 07 người

Tổng số lớp học: 35 lớp, với định mức 1.74 giáo viên/ lớp (61 Giáo viên)

Giáo viên thiếu: 09 người

Tổng quỹ lương thực hiện trong năm và các khoản đóng góp:

Tiền lương hàng tháng được chi trả kịp thời (từ ngày 1 đến ngày 5 hàng tháng);

Trích nộp các khoản đóng góp đầy đủ, kịp thời.

2.6. Kiểm tra việc chi trả chế độ cho HS và GV:

- Học sinh: Mỗi học kỳ, nhà trường đã thành lập hội đồng kiểm tra các chế độ chính sách cho học sinh theo đúng hướng dẫn của các văn bản quy định.

- Giáo viên: Nhà trường đã chi trả đúng, đủ, kịp thời các chế độ cho giáo viên.

2.7. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng các khoản vốn bằng tiền :

- Số tồn quỹ tiền mặt đến cuối ngày 31/12/2024: **25.532.964 đồng**. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra quỹ cuối mỗi tháng, số tiền mặt thực tế tồn quỹ khớp đúng với sổ kế toán.

- Các khoản thu chi tiền mặt kịp thời và đảm bảo quy định: thu chi theo phiếu thu, phiếu chi, có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng và chủ tài khoản.

2.8. Kiểm tra việc thực hiện quyết toán thu, chi tài chính.

- Hàng tháng, quý đối chiếu với kho bạc đúng thời gian quy định.

- Số liệu lên bảng quyết toán kinh phí khớp đúng với bảng đối chiếu dự toán ngân sách năm 2024 và tài khoản tiền gửi của đơn vị được kho bạc Đại Lộ xác nhận.

2.9. Kiểm tra sổ sách kế toán.

- Có đầy đủ các hồ sơ trong danh mục báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính.

- Áp dụng hạch toán các tài khoản trong hệ thống tài khoản của Nhà nước quy định, chi theo dự toán đã được duyệt và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng và được duyệt.

3. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

- Căn cứ vào kết quả tự kiểm tra, tổ tự kiểm ra rút ra nhận xét: Đảm bảo đầy đủ các loại báo cáo, số liệu khớp đúng trên sổ sách và chứng từ. Các khoản chi thực hiện theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của đơn vị đã xây dựng theo đúng quy định.

HIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Bá Ngân